

LƯỢC SỬ TRƯỜNG NGUYỄN TRÃI THEO TÔI BIẾT

LƯU TRUNG KHẢO

Trường trung học Nguyễn Trãi khởi thủy mang tên là Collège Đỗ Hữu Vị. Ông Đỗ Hữu Vị là con của ông Đỗ Hữu Phương, một người thuộc phe hợp tác với người Pháp khi quân Pháp xâm lăng Việt Nam. Nhờ công lao đó, Đỗ Hữu Phương được phong chức tổng Đốc. Tên ông được dùng đặt tên đường phố (đường Tổng Đốc Phương) và trường học (trường tiểu học Đỗ Hữu Phương). Hai con ông Đỗ Hữu Chấn và Đỗ Hữu Vị đều gia nhập quân đội Pháp. Ông Đỗ Hữu Chấn là một sĩ quan cấp bậc Trung Tá. Còn ông Đỗ Hữu Vị là sĩ quan Không Quân cấp bậc Đại



Úy. Ông Đỗ Hữu Vị trong trận thế chiến thứ nhất đã tòng quân sang Pháp lái máy bay oanh kích quân Đức, bị phòng không Đức bắn hạ, Đỗ Hữu Vị tử trận và thi hài được đưa về an táng ở Việt Nam. Phần mộ của ông Đỗ Hữu Vị nằm trong hàng rào phòng thủ của phi trường Tân Sơn Nhất. Trên mộ còn một tấm bia khắc lời ông bằng tiếng Pháp đại ý nói rằng: “Ông là người Việt Nam nên trách nhiệm của ông nặng gấp hai lần vì ông phải có bốn phận đối với nước Nam và cả đối với nước Pháp nữa”.

Để tưởng thưởng công lao cho gia đình Đỗ Hữu, người Pháp đã cho in tiểu sử của Đỗ Hữu Vị phổ biến trong các trường học. Tôi còn nhớ tấm tranh kể tiểu sử của Đỗ Hữu Vị mang tiêu đề nguyên văn như sau:

“Quan Đại Úy Đỗ Hữu Vị, anh hùng Pháp-Việt.”

Bức tranh vẽ khoảng trên dưới mười tám hình kể lại tiểu sử của Đỗ Hữu Vị cùng những trận đánh ông đã tham dự và xưng tụng ông là một anh hùng của hai nước Pháp-Nam, có ý nêu gương để cho

đám học sinh chúng tôi noi theo hầu sau này khi trưởng thành hãy cùng phục vụ và trung thành với nhà nước Đại Pháp.

Không những thế, tên ông còn được đặt cho các đường phố, trường học, vườn hoa. Trường trung học Đỗ Hữu Vị (Collège Đỗ Hữu Vị) chính là tiền thân của trường trung học Nguyễn Trãi.

Ngày 9.3.1945 quân đội Nhật Bản đảo chính chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương. Hoàng Đế Bảo Đại tuyên bố hủy bỏ những hòa ước bất bình đẳng ký kết với Pháp và tuyên bố Việt Nam độc lập. Học giả

Trần Trọng Kim được mời từ Chiêu Nam (Singapore) về lập chính phủ độc lập đầu tiên của Việt Nam. Bộ Trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục là giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã soạn thảo ngay một chương trình giáo dục mới lấy Việt ngữ làm học thừa thay cho Pháp ngữ và cho ban hành một nghị định sửa lại tên các trường trung học. Trường Lycée Protectorat (gọi tắt là Lypro) nay là trường trung học Chu Văn An. Trường Đỗ Hữu Vị nay là trường Nguyễn Trãi. Trường nằm ở cửa Bắc thành phố Hà Nội đóng khung xung quanh bằng bốn đường: Quan Thánh, Đỗ Hữu Vị, Hàng Bún và Phan Đình Phùng. Vào khoảng năm 1943, khi không quân Mỹ oanh tạc Hà Nội, trường Đỗ Hữu Vị phải di tản về học trong một trường nhà dòng ở ngoại ô tỉnh lỵ Hưng Yên.

Tháng Tám năm 1945, tôi từ làng Hòa Mạc nhà anh rể tôi ngủ ở đó một đêm, sáng sớm hôm sau thuê một chiếc xe tay ra bến đò Yên Lệnh (thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam), thuê đò vượt sông Hồng sang tỉnh Hưng Yên. Đây là lần đầu tiên tôi

được đối diện với con sông lịch sử này. Lúc này mực nước sông đang dâng cao. Dòng nước sông đỏ ngầu như máu trôi băng băng lôi kéo theo những đám bèo lục bình hoa tím. Để vượt sông, chị lái đò phải theo ven bờ chèo ngược dòng lên khoảng độ gần một cây số rồi mới cho mũi thuyền hướng về bờ đối diện mà ra sức bơi. Khoảng chừng hơn một tiếng đồng hồ thuyền mới cập bến. Lên bờ, tôi lại thuê xe kéo, trọ ở một hàng cơm rồi sáng sớm hôm sau mang giấy bút vào trường dự thi.

Hơn một tuần sau, anh Vũ Văn Dịch, người anh rể tôi ở Hà Mạc tin cho hay là tôi đã may mắn trúng tuyển kỳ thi nhập học lớp Đệ Nhất Niên trường trung học Nguyễn Trãi, xếp hạng 32 trên tổng số 100 học sinh được tuyển chọn.

Lúc này, thế chiến thứ hai (1939-1945) đã kết thúc. Trường trung học Nguyễn Trãi được lệnh trở về Hà Nội. Tuy nhiên trường sở cũ đã bị quân đội sử dụng nên chúng tôi phải vào học ở tỉnh lỵ Hà Đông. Nhưng ở Hà Đông, chúng tôi cũng chẳng được ngồi một giờ nào, không có lớp mà cũng chẳng có thầy. Sau trường mượn được mấy gian tả vu và hữu vu của chùa Láng (làng Yên Lãng, huyện Cầu Giấy) thuộc Ô Cầu Giấy, ngoại thành Hà Nội, lúc đó chúng tôi mới có chỗ học. Lớp học không có cửa ra vào, không có cửa sổ, chỉ có một tấm bảng đen treo trên tường. Giáo ban thì cứ thay đổi hoài, tuần này giáo sư này, tuần sau giáo sư khác. Năm đệ nhất chúng tôi được học với các giáo sư sau đây:

Quốc văn: Giáo Sư Nguyễn Văn Nhung

Pháp văn: Giáo Sư Nguyễn Văn Nhung và Nguyễn Văn Hoan tục gọi là Hoan Tây

Hán văn: Giáo Sư Nguyễn Văn Hoan tục gọi là Hoan Ta để phân biệt với Giáo Sư Hoan Tây

Anh văn: Giáo Sư Nguyễn Đình Quỳnh rồi Giáo Sư Nguyễn Văn Ngọc

Toán: Giáo Sư Nguyễn Đình Phú

Lý Hóa: Giáo Sư Nguyễn Chung Tú

Sử Địa: Giáo Sư Mai Phương

Vạn Vật: Giáo Sư Nguyễn Văn Hùng

Hội Họa: Giáo Sư Thịnh Del

Ngoài ra, Võ Sư Nguyễn Lộc mỗi sáng Chủ Nhật từ cửa Nam đạp xe đạp vào dạy chúng tôi võ Việt Nam mà chính võ sư là người khai sáng ra môn phái này. Chúng tôi học ở chùa Láng hết niên học 1945-1946.

Qua niên học mới (1946-1947), trường Nguyễn Trãi dọn về học chung với trường Canh Nông gần vườn Bách Thảo Hà Nội. Trường chiếm hai dãy nhà hình thước thợ. Căn ngoài cùng dùng làm văn phòng, phòng hiệu trưởng, phòng giám thị. Hiệu Trưởng trường Nguyễn Trãi lúc bấy giờ là Giáo Sư Đỗ Trí Lễ, cử nhân Khoa Học từ Pháp về cùng thời với nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Đến năm này, nhà trường mới mở thêm hai lớp để tam chuyên khoa (đệ nhị cấp).

Thành phần giáo ban cũng có thay đổi chút ít: Giáo Sư Lê Hữu Thu phụ trách môn Việt văn. Giáo Sư Thu nổi tiếng về sự nghiêm ngặt trong việc cho điểm. Tôi nghe mấy anh lớn kháo rằng sở dĩ Giáo Sư Thu hà tiện điểm là bởi lúc đó thi bằng Cao Đẳng Tiểu Học, ông phải thi tới tám lần. Năm nay chúng tôi học môn Vạn Vật với Giáo Sư Trần Gia Huấn. Chương trình học Vạn Vật năm thứ nhất là động vật học chúng tôi học với Giáo Sư Nguyễn Văn Hùng. Giáo Sư Hùng nguyên là Chánh Giám Binh ở Hưng Yên, mỗi lần dạy con vật nào là ông lại nhái tiếng kêu của con vật đó làm cho cả lớp cười bò. Giáo Sư Trần Gia Huấn cũng như Giáo Sư Nguyễn Chung Tú là những sinh viên mới ra trường còn trẻ măng và cũng chưa có kinh nghiệm trận mạc với đám học trò đứng hàng thứ ba sau ma quỷ. Chương trình môn Vạn Vật năm thứ hai là thực vật học. Học đến các loại hoa, thầy Huấn cứ theo trong sách liệt kê đủ loại hoa: ản hoa, hiễn hoa, bí tử, khóa tử... rồi thầy cho thí dụ về loại hoa không cho quả như hoa đu đủ đực. Đám học sinh nhao nhao phản đối:

- Thưa thầy, hoa đu đủ đực có quả ạ!

- Các anh chỉ nói bậy nào. Đu đủ đực làm sao có quả được!

Tôi không nhớ là Lê Toàn Cửu hay Nguyễn Bá Công đứng lên chỉ vào cây đu đủ đực của trường Canh Nông trồng ở sau lớp:

- Thưa thầy, kia là cây đu đủ đực đang có quả!

Thầy Trần Gia Huấn nháy ba bước tới cây đu đủ đực hái một trái mang về bàn, cười cười:

- Ủa! Nhưng mà trong sách nói là hoa đu đủ đực không có kết quả!

Nhưng những ngày êm đềm đó không kéo dài được bao lâu. Tình hình chính trị mỗi lúc một căng thẳng. Sau ngày ký hiệp ước Sơ Bộ (6.3.1946), ngày 13.3.1946 quân Pháp đổ bộ lên Hải Phòng để

thi hành hiệp ước Pháp-Hoa được ký kết ở Trùng Khánh vào ngày 28.2.1946. Theo hiệp ước này, Pháp trả lại các nhượng địa cho Trung Hoa như Quảng Châu Vãn, tô giới Pháp ở Thượng Hải. Bù lại Pháp được thay thế quân đội Trung Hoa đóng quân ở phía bắc vĩ tuyến 16. Hằng ngày quân Pháp tìm đủ cách khiêu khích. Thỉnh thoảng lại có vụ nổ súng giữa quân đội Pháp và tự vệ. Một ủy ban liên kiểm Việt-Pháp được thành lập để giải quyết nhưng tình hình mỗi ngày một xấu thêm.

Hai bên Pháp-Việt họp ở Đà Lạt để tìm phương thực hiện hiệp ước Sơ Bộ. Hội nghị bế tắc. Việt Nam phải cử Phạm Văn Đồng làm trưởng phái đoàn sang Pháp để đàm phán. Phái đoàn có Hồ Chí Minh đi theo để chỉ huy, nhưng cũng như hội nghị Đà Lạt, hội nghị Fontainebleau cũng bế tắc vì quan điểm của hai bên quá cách biệt. Bí quá, Hồ Chí Minh phải ký với Pháp tạm ước 14.9.1946 xác nhận giá trị hòa ước Sơ Bộ 6.3.1946. Quân Pháp được lợi thế, vũ trang đầy đủ và tối tân, quân nhân thiện chiến không ngày nào là không gây chuyện để khiêu khích. Cuối cùng thì việc phải đến đã đến. Ngày 19.12.1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Trước đó độ hai tuần lễ, các trường được lệnh đóng cửa. Thân phụ tôi từ Hà Nam đi autorail (loại xe lửa tốc hành chỉ có hai toa sơn trắng) lên Hà Nội đón tôi về quê.

Từ tháng 12.1946 tới tháng 12.1950, tôi sống trong vùng kháng chiến, lúc ở quê nhà, khi vào liên khu 4 (Thanh Hóa). Lúc này Trung Cộng đã làm chủ Hoa Lục và cuộc chiến Triều Tiên bắt đầu bùng nổ. Khắp nơi, các biểu ngữ, các khẩu hiệu đập vào mắt, vào tai: “Tích cực chuẩn bị tổng phản công”, “Kháng Mỹ, viện Triều”. Mỗi lần chào cờ là chào đủ ba quốc kỳ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa và Liên Xô. Nơi nào cũng toàn một màu cờ đỏ như máu. Người Cộng Sản Việt Nam không còn giấu giếm che đậy nữa.

Từ Thanh Hóa, tôi đi bộ ba ngày đường vượt qua sông Đáy trở về làng cũ rồi lên cố đô Thăng Long ghi danh nhập học ở một trường tư thục trên phố Hàng Dẫy. Trường trung học Nguyễn Trãi lúc này đã hoạt động trở lại. Trường chiếm lãnh trường sở cũ của trường nữ tiểu học Hoài Đức. Máy tòa nhà lầu đồ sộ nằm ngay trên đường Đồng Khánh, giữa trung tâm thành phố với một thành phần giáo

sư hùng hậu là niềm mơ ước cho các nam học sinh tiểu học và học sinh các trường tư thục bấy giờ. Cách đó mấy trăm thước là trường nữ trung học Trưng Vương nên nhiều học sinh Nguyễn Trãi cứ muốn đổi tên trường thành trường trung học Thi Sách.

Sau khi đậu Trung Học Đệ Nhất Cấp, tôi xin thi tuyển nhập học lớp Đệ Tam ban Văn Chương trường trung học Chu Văn An, và học tại trường này suốt ba niên khóa từ 1951 đến 1954. Kỳ thi Tú Tài II tổ chức vào tháng 6.1954 trong một tình thế hết sức rối ren vì cuộc chiến Việt-Pháp sắp kết thúc. Ban Văn Chương Sinh Ngữ chúng tôi thi viết và vấn đáp ở trường trung học Nguyễn Trãi. Âu cũng là một cái duyên: tôi khởi sự bước chân vào ngưỡng cửa trung học ở trường Nguyễn Trãi và khi bước ra khỏi bậc trung học cũng ở trường này.

20.7.1954 hiệp định Genève ký kết chia Việt Nam làm hai, lấy sông Bến Hải làm ranh giới. Trường Chu Văn An quyết định di cư vào Nam. Trường Nguyễn Trãi ở lại Hà Nội. Tất cả các trường di cư vào Nam đều trực thuộc Nha Học Chánh Di Cư. Trường Chu Văn An may mắn hơn vì hầu hết Ban Giám Đốc, Ban Giáo Sư đều di cư dưới quyền điều động của Giáo Sư Hiệu Trưởng Vũ Ngô Xán nên hồ sơ hành chánh và học vụ hầu như còn giữ được nguyên vẹn. Trường Nguyễn Trãi không có cái may đó nên thầy trò vào Nam ngơ ngáo ngáo như đồng bào Thượng xuống kinh kỳ. Sau Nha Học Chánh Di Cư phải cử Giáo Sư Trần Văn Việt nguyên là Hiệu Trưởng trường trung học Ngô Quyền ở Hải Phòng đảm nhiệm chức vụ Hiệu Trưởng trường trung học Nguyễn Trãi. Trường Nguyễn Trãi vào Nam không còn bậc đệ nhị cấp nữa cho nên các giáo sư “gạo cội” của trường được chuyển sang cho trường Chu Văn An.

Thân phận di cư ăn nhờ ở đậu, trường trung học Nguyễn Trãi nường nấu ở trường tiểu học Trương Minh Ký trên đường Trần Hưng Đạo cạnh rạp chiếu bóng Đại Nam. Trường có 16 lớp, mỗi đệ bốn lớp từ Đệ Thất cho tới Đệ Tứ. Ban giáo sư rất hùng hậu, đặc biệt có nhiều vị gốc Luật nên sau này các vị đó bỏ ngành gõ đầu trẻ để sang mặc áo thụng đen như: Giáo Sư Đặng Vũ Hàm, Lý Quốc Sinh, Trần Tấn Thái, Nguyễn Thế Cường, Nguyễn Bá Lương, Đào Quang Huy.

Nhận được sự vụ lệnh bổ nhiệm làm giáo sư

đây giờ, tôi đến trình diện vào giữa buổi trưa nắng. Cụ Trần Văn Việt ngồi trên một cái ghế gỗ trong phòng làm việc chung với các thầy giám thị, tiếp nhận sự vụ lệnh rồi đưa sang cho cụ Tổng Giám Thị để xếp lớp. Tôi được xếp dạy hai môn Toán và Công Dân lớp Đệ Thất, tổng cộng là 10 giờ một tuần lễ. Vì trường Trương Minh Ký học cả hai buổi sáng chiều, nên các lớp học của trường trung học Nguyễn Trãi học vào buổi trưa từ 11 giờ đến 2 giờ. Mỗi 45 phút tính làm 1 giờ. Tôi gặp lại hai giáo sư cũ dạy tôi ở trường Nguyễn Biểu (Hà Nam) là Giáo Sư Tạ Văn Ru và Giáo Sư Trần Văn Sử, và các bạn như Giáo Sư Hà Đạo Hạnh, Giáo Sư Bùi Duy Hiến.

Qua niên khóa 1956-1957, trường dọn về học chung với trường tiểu học Lê Văn Duyệt trên đường Phan Đình Phùng. Mới khai giảng được một thời gian, thì Giáo Sư Trần Văn Việt được chuyển sang làm Hiệu Trưởng trường Chu Văn An. Cụ Vũ Đức Thận, Giám Học trường Chu Văn An được cử sang đảm nhiệm chức vụ Hiệu Trưởng trường Nguyễn Trãi. Đầu năm 1957, tôi nhận được sự vụ lệnh của Bộ chuyển về trường trung học Thủ Khoa Nghĩa (Châu Đốc) vì nhu cầu công vụ. Thực ra là vì học hết chương trình Cao Đẳng Sư Phạm, tôi không thi tốt nghiệp nên Bộ mới quyết định như vậy. Ở Châu Đốc được mấy tháng, tôi về Sài Gòn thi tốt nghiệp và được bổ nhiệm về tòng sự tại trường trung học Chu Văn An. Giã từ Thủ Khoa Nghĩa, giã từ Nguyễn Trãi với biết bao bùi ngùi tưởng nhớ!

Sau cụ Hiệu Trưởng Vũ Đức Thận, trường trung học Nguyễn Trãi còn được các giáo sư sau đây lãnh vai trò lãnh đạo (hiệu trưởng):

Giáo Sư Nguyễn Băng Tuyết
Giáo Sư Phạm Đăng Châu
Giáo Sư Hà Đạo Hạnh
Giáo Sư Nguyễn Quang Minh
Giáo Sư Nguyễn Hữu Kế
Giáo Sư Phạm Văn Đàm
Giáo Sư Tạ Quang Khôi

Trường cũng dời về bên Khánh Hội giữa một khu lao động. Đây là lần đầu tiên, kể từ ngày vào Nam, trường Nguyễn Trãi có được một trường sở riêng khang trang rộng rãi.

Trước năm 1954 ở Hà Nội, hai trường Chu Văn An và Nguyễn Trãi là hai trường nổi tiếng nhất. Trong giới học sinh lúc đó có câu “Bắc Chu An, Nam Nguyễn Trãi” bởi trường Chu Văn An ở phía Bắc thành phố, còn trường Nguyễn Trãi ở phía Nam gần trung tâm. Học sinh hai trường ganh đua nhau trên mọi lãnh vực: học hành, thi cử, thể thao, văn nghệ... họ ganh đua tận tình trong một tinh thần mã thượng tương tự như hai trường UCLA và USC ở miền Nam California này. Sau ngày vào Nam, trường Nguyễn Trãi ở vào một vị trí yếu kém hơn so với Chu Văn An. Tuy nhiên, những học sinh Nguyễn Trãi sau khi học hết lớp Đệ Tứ và đậu Trung Học Đệ Nhất Cấp được chuyển qua Chu Văn An. Trong số này có nhiều người nổi tiếng. Điều đáng phàn nàn là các cựu học sinh Nguyễn Trãi qua Chu Văn An rồi thì chỉ biết có Chu Văn An và quên hẳn trường cũ. Đó là một sự bất công và bội bạc!

Riêng phần tôi thì đã thụ huấn ở trường Nguyễn Trãi hơn một niên khóa (1945-1946 và một phần của niên khóa 1946-1947). Sau này tôi về phục vụ ở trường Nguyễn Trãi cũng hơn một niên khóa (1955-1956 và một phần của niên khóa 1956-1957). Tôi đã vay và đã trả. Nhưng ở trên đời này có những món nợ mà mình trả hoài vẫn không hết. Đó là món nợ ân tình với mái trường xưa, thầy dạy cũ, bạn bè và môn sinh ly tán ở khắp năm châu.

Lưu Trung Khảo

Little Saigon trọng Đông Canh Thìn

